

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/14

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Dry Vitamin A-Palmitate 500

Sử dụng: Vitamin

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

| Kích ứng da: Cat.3

Độc đối với quá trình sinh sản: Cat.1B (thai nhi)

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025



Cảnh báo:
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H316	Gây kích ứng da nhẹ.
H360	Có thể làm thương tổn thai nhi.
H401	Độc đối với sinh vật thủy sinh.
H411	Độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

P273	Tránh thải vào môi trường.
P280	Đeo găng tay bảo vệ/ quần áo bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt.
P201	Xem hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202	Không sử dụng cho đến khi đọc kỹ và hiểu rõ các lưu ý an toàn.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P308+P313	Nếu đã tiếp xúc hoặc nghi ngờ tiếp xúc: Yêu cầu trợ giúp y tế
P391	Thu gom tràn đổ.
P332+P313	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế

Lưu ý khi bảo quản:

P405	Kho lưu trữ khóa kín.
------	-----------------------

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:
Sản phẩm có thể nổ bụi dưới các điều kiện nhất định.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Chất tiền chế dựa trên:
retinyl palmitate

được gắn vào trong: carbohydrates
, Gelatins

Ổn định với:
2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Thành phần nguy hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
 Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

retinyl palmitate

Hàm lượng (W/W): $\geq 25\%$ - $< 50\%$	Kích ứng da: Cat. 3
Số CAS: 79-81-2	Repr.: Cat. 1B (thai nhi)
	Aquatic Chronic: Cat. 4

2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Hàm lượng (W/W): $\geq 1\%$ - $< 3\%$	Aquatic Acute: Cat. 1
Số CAS: 128-37-0	Aquatic Chronic: Cat. 1
	M- nhân tố mãn tính: 1

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Nhân viên sơ cứu phải lưu ý về sự an toàn của chính họ. Nếu bệnh nhân trở nên bất tỉnh, đặt và vận chuyển ở vị trí nghiêng ổn định (vị trí bình phục). Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn ngay lập tức.

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Ngay lập tức rửa kỹ bằng xà phòng và nước, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với mắt:

rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

bột khô, cacbon dioxide, Phun nước, bọt

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Phun nước

Thông tin bổ sung:

Tránh làm quay hoặc đảo vòng vật liệu/ sản phẩm vì bụi nổ nguy hiểm.

Những mối nguy hiểm cụ thể:

các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Sự phát triển của khói/sương. Bụi nổ nguy hại.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:

Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước. Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Tránh bụi. Không thổi bụi

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Thông báo ngay cho chính quyền địa phương nếu hoá chất tràn đổ xuống hệ thống cống rãnh hay nguồn nước.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.

Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch. Thu gom chất thải trong vật chứa thích hợp, có thể được dán nhãn và bịt kín.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Tránh làm phát sinh bụi. Quá trình vệ sinh sản xuất chỉ nên được thực hiện khi đeo thiết bị trợ thở.

Thông tin bổ sung: Bụi có thể tạo thành một hỗn hợp nổ với khí.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Tránh bụi. Trang bị hệ thống hút thông thoáng Sản phẩm có thể gây các triệu chứng kích ứng; nên rửa tay sau khi tiếp xúc.

Phòng chống cháy nổ:

Tránh bụi. Sản phẩm có thể nổ bụi. Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy. Chỉ sử dụng dụng cụ và thiết bị chống cháy nổ.

Hướng dẫn bảo quản

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE, nhôm

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát. Bảo vệ khỏi không khí. Bảo vệ khỏi tác động của ánh sáng.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

sucrose, 57-50-1;

Giá trị TWA 10 mg/m³ (ACGIHTLV)

2,6-di-tert-butyl-p-cresol, 128-37-0;

Giá trị TWA 2 mg/m³ (ACGIHTLV), Có thể hít phải hơi hoá chất

Starch, hydrogen octenylbutanedioate, aluminum salt, 9087-61-0;

Giá trị TWA 2 mg/m³ (OEL (VN))

Giá trị STEL 4 mg/m³ (OEL (VN))

Giá trị TWA 2 mg/m³ (OEL (VN))

Giá trị STEL 4 mg/m³ (OEL (VN))

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ thấp hơn hoặc tác động ngắn: Bộ lọc hạt có hiệu suất cao đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P3 hay FFP3).

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tuỳ thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm
Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Trong mọi trường hợp sản phẩm không được tiếp xúc với da của phụ nữ mang thai hay hít phải. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	những hạt mịn chảy tự do
Màu sắc:	vàng nhạt
Mùi:	không áp dụng
Ngưỡng mùi:	Chưa xác định bởi các nguy cơ tiềm tàng đối với sức khỏe do hít phải hóa chất.
Giá trị pH:	5.5 (10 %(m), 20 °C)
khoảng nóng chảy:	Chất / sản phẩm phân hủy do đó không được xác định.
Điểm sôi:	không áp dụng
Điểm chớp cháy:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.
Tốc độ bay hơi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không dễ cháy cao (UN Test N.1 (các chất rắn dễ cháy))
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn
Giới hạn nổ trên (UEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn
Phân hủy do nhiệt:	> 160 °C (DDK (DIN 51007)) phản ứng tự phân hủy nhanh
Khả năng tự gia nhiệt:	Đó không phải là chất có thể tự đun nóng theo các quy định vận chuyển UN loại 4.2. (UN Test N.4 (Những chất tự gia nhiệt))
SADT:	Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân hủy theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1
Năng lượng đánh lửa tối thiểu:	(VDI 2263, tờ 1, 2.5)
Nguy cơ nổ:	Sản phẩm có thể nổ bụi. Sản phẩm không có khả năng nổ, tuy nhiên bụi nổ có thể hình thành từ hỗn hợp bụi-khí.
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.
Áp suất hơi:	không áp dụng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Tỷ trọng:

Không có thông tin nào về mật độ tuyệt đối. Thay vào đó, mật độ khối lượng lớn được xác định như một giá trị phù hợp hơn.

Tỷ trọng thể tích/mật độ khối: tương đương 600 kg/m³

Tỷ trọng hơi (không khí):

không áp dụng, Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.

Tính tan trong nước: có thể phân tán
(35 - 40 °C)

Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):

không áp dụng đối với hỗn hợp chất

Tính nhớt, động học:

không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh nhiệt. Tránh ánh sáng. Tránh bụi. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân hủy do nhiệt:

> 160 °C (DDK (DIN 51007))
phản ứng tự phân hủy nhanh

Những chất cần tránh:

độ ẩm của không khí, oxy trong không khí

SỰ ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Bụi nổ nguy hại.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc**Đánh giá độ độc cấp tính**

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không gây kích ứng mắt. Tiếp xúc với da gây kích ứng nhẹ.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Hơi kích ứng. (OECD hướng dẫn 404)

Thông tin trên: retinyl palmitate

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá tính nhạy cảm:

Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Dựa trên các thành phẩm, không có bằng chứng về tác động gây biến đổi gen.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Trong phần lớn các thí nghiệm được tiến hành (cây vi khuẩn/các vi sinh vật/tế bào) không tìm thấy tác động đột biến. Tác động đột biến cũng không được quan sát trong các thí nghiệm trên cơ thể sống. Chưa tiến hành toàn bộ các thí nghiệm đối với sản phẩm này. Các báo cáo được đưa ra dựa trên các sản phẩm có cấu trúc và thành phần giống với sản phẩm này.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Tất cả những thông tin hiện có của chúng tôi cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về tác động gây ung thư.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá khả năng gây ung thư:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Đã tiến hành các nghiên cứu trong thời gian dài và các thí nghiệm ngắn hạn về khả năng gây ung thư. Dựa vào các thống kê của kết quả nghiên cứu, không có bằng chứng nào cho thấy đây là chất gây ung thư. Dữ liệu tài liệu.

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Tất cả những thông tin hiện có của chúng tôi cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về tác động gây ung thư.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Trong những nghiên cứu trên động vật đã cho thấy tác dụng gia tăng độc tính/gây quái thai.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá vấn đề quái thai:

Có thể làm tổn hại đến bào thai

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Tiếp xúc nhiều lần với khối lượng lớn có thể ảnh hưởng đến các cơ quan của cơ thể.

Thông tin trên: Phenol, 2,6-bis(1,1-dimethylethyl)-4-methyl-----

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

Thông tin độc tính liên quan khác

Sản phẩm không được thí nghiệm. Những công bố về tính độc tố có nguồn gốc từ đặc tính của từng thành phần.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Độc cấp tính cho thủy sinh vật. Có thể gây ảnh hưởng lâu dài đến môi trường thủy sinh

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Độc với loài cá:

LC0 (96 h) \geq 0.57 mg/l, Brachydanio rerio (OECD 203; ISO 7346; 84/449/EEC, C.1, bán tĩnh)

Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích. Chỉ thí nghiệm nồng độ có giới hạn (thí nghiệm GIỚI HẠN).

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Loài không xương sống thủy sinh:

EC0 (48 h) 0.48 mg/l, Daphnia magna (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tĩnh điện)

Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) $>$ 0.40 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), Scenedesmus subspicatus (Chỉ thị 92/69/EEC, C.3, tĩnh điện)

Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC0 (3 h) 1,000 mg/l, bùn hoạt tính (DIN EN ISO 8192-OECD 209-88/302/EEC, P. C, hiếu khí)

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H₂O):

Sản phẩm không thể phân hủy sinh học.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Thông tin trên: retinyl palmitate

Thông tin bị đào thải:

40 - 50 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Thông tin bị đào thải:

4.5 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301C; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-F) (hiếu khí, bùn hoạt tính)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:
Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Sản phẩm không có tính khả dụng sinh học do độ ổn định và tính không thể hòa tan trong nước của nó. Dự kiến không có sự tích tụ đáng kể trong các cơ quan do hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow).

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Khả năng tích lũy sinh học:

Yếu tố nồng độ sinh học: 330 - 1,800 (28 d), cá chép Cyprinus (OECD hướng dẫn 305 C)

Yếu tố nồng độ sinh học: 230 - 2,500 (56 d), cá chép Cyprinus (OECD hướng dẫn 305 C)

Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID: UN 3077

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (2,6-DI-TERT-BUTYL-P-CRESOL)

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM

Nhóm đóng gói: III

Mối nguy hiểm về môi trường: Có

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
 Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Vận tải đường thủy

IMDG

Số UN hoặc số ID: UN 3077

Tên vận chuyển thích
 hợp của Liên Hợp
 Quốc: ENVIRONMENTAL
 LY HAZARDOUS
 SUBSTANCE,
 SOLID, N.O.S. (2,6-
 DI-TERT-BUTYL-P-
 CRESOL)

Lớp nguy hiểm trong
 vận chuyển: 9, EHSM

Nhóm đóng gói: III
 Mức nguy hiểm về môi
 trường: Có
 Ô nhiễm hàng hải:
 CÓ

Phòng ngừa đặc biệt
 cho người dùng: EmS: F-A; S-F

Sea transport

IMDG

UN number or ID
 number: UN 3077

UN proper shipping
 name: ENVIRONMENTA
 LLY HAZARDOUS
 SUBSTANCE,
 SOLID, N.O.S.
 (2,6-DI-TERT-
 BUTYL-P-
 CRESOL)

Transport hazard
 class(es): 9, EHSM

Packing group: III
 Environmental hazards: yes
 Marine pollutant:
 YES

Special precautions for
 user: EmS: F-A; S-F

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Số UN hoặc số ID: UN 3077

Tên vận chuyển thích
 hợp của Liên Hợp
 Quốc: ENVIRONMENTAL
 LY HAZARDOUS
 SUBSTANCE,
 SOLID, N.O.S. (2,6-
 DI-TERT-BUTYL-P-
 CRESOL)

Lớp nguy hiểm trong
 vận chuyển: 9, EHSM

Nhóm đóng gói: III
 Mức nguy hiểm về môi
 trường: Có

Phòng ngừa đặc biệt
 cho người dùng: Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO

UN number or ID
 number: UN 3077

UN proper shipping
 name: ENVIRONMENTAL
 LY HAZARDOUS
 SUBSTANCE,
 SOLID, N.O.S. (2,6-
 DI-TERT-BUTYL-P-
 CRESOL)

Transport hazard
 class(es): 9, EHSM

Packing group: III
 Environmental hazards: yes

Special precautions for
 user: None known

Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO

Không được vận chuyển đường biển số lượng
 lớn mà chưa dự kiến.

Maritime transport in bulk according to IMO instruments

Maritime transport in bulk is not intended.

Thông tin bổ sung

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Các quy định sau đây có thể áp dụng cho sản phẩm trong các gói chứa số lượng ròng từ 5 kg trở xuống ADR, RID, ADN: Điều khoản đặc biệt 375; JT/T617.3; IMDG: 2.10.2.7; TDG: Điều khoản đặc biệt 99 (2)

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất:

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;
- Nghị định 34/2024/nđ-cp ngày 31/03/2024 quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa tải
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;
- Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 500**

Phiên bản: 9.0

(30041047/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.